

Số: /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành danh mục 179 thuốc sản xuất trong nước
được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 194

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 194 tại Công văn số 16/HĐTV-VPHT ngày 26/2/2024 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 179 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 194, cụ thể:

- Danh mục 177 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).
- Danh mục 02 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

- Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.
- Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.
- Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 03/2020/TT-BYT ngày 22/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06

tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc.

5. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐK (C.H) (02b).

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục I

DANH MỤC 177 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH

TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 194

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-QLD ngày tháng năm 2024

của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Đại Nam (Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Enlie (Địa chỉ: Đường NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

1	Vesepan 150	Dabigatran etexilate (dưới dạng dabigatran etexilate mesilate) 150mg	Viên nang cứng	Hộp 01 vỉ x 10 viên, Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 06 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110224524
---	-------------	---	-------------------	---	-----	----	--------------

2. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (Địa chỉ: 288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (Địa chỉ: 288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam)

2	Ventinos	Chai 10ml chứa: Budesonid (64 microgram budesonid/liều) 0,0128g	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 chai x 10ml, chai nhựa HDPE được lắp với một bơm xịt định liều	NSX	24	893100224624
---	----------	---	---------------------	---	-----	----	--------------

2.2. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang (Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam)

3	Hapacol 650 sủi	Paracetamol 650mg	Viên nén sủi bột	Hộp 4 vỉ x 4 viên	NSX	24	893100224724
4	Hapacol Codein Extra	Paracetamol 500mg; Cafein 30mg; Codein phosphat (dưới dạng codein phosphat hemihydrat) 8mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên, chai 100 viên	NSX	24	893101224824

3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Medipharco (Địa chỉ: 08 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Medipharco (Địa chỉ: 08 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

5	Rebamipid	Rebamipid 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110224924
6	Xusod Drops	Mỗi 05ml chứa: Kali iodid (tương đương iodid 11,45mg) 15mg; Natri iodid (tương đương iodid 12,7mg) 15mg	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml; Hộp 1 lọ x 10ml	NSX	24	893110225024

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược mỹ phẩm Bảo An (Địa chỉ: Số 2/115, ngõ 2, đường Định Công Thượng, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

4.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha (Địa chỉ: Lô đất CN -2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

7	Roitintab	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat natri clorid tương đương glucosamin 588,83mg) 750mg; Chondroitin sulfat (dưới dạng natri chondroitin sulfat 274mg) 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100225124
---	-----------	--	----------------------	---	-----	----	--------------

5. Cơ sở đăng ký: công ty cổ phần dược mỹ phẩm BHT (Địa chỉ: Số 2 ngõ 80 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

5.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha (Địa chỉ: Lô đất CN -2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

8	BHT-Enema	Natri dihydrogen phosphat dihydrat (tương đương 8,23g natri dihydrogen phosphat) 10,7g; Dinatri phosphat dodecahydrat (tương đương 1,86g dinatri phosphat) 4,7g	Dung dịch thực trăng	Hộp 1 lọ x 66ml, tương ứng với 59ml dung dịch chia liều; Hộp 1 lọ x 133ml, tương ứng với 118ml dung dịch chia liều	NSX	36	893110225224
---	-----------	---	----------------------------	---	-----	----	--------------

6. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: 601 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10, thành phố Hồ chí Minh, Việt Nam)

6.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: 930 C2 Đường C, khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

9	Clorpheniramin 4mg	Clorpheniramin maleat 4mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 20 viên; Chai 200 viên; Chai 1000 viên	NSX	36	893100225324
---	-----------------------	------------------------------	----------	--	-----	----	--------------

7. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm (Địa chỉ: 27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam)

7.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm (Địa chỉ: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam)

10	Filchill 2,5	Tadalafil 2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 1 viên, Hộp 1 vỉ x 4 viên, Hộp 1 vỉ x 7 viên, Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110225424
----	--------------	-----------------	----------------------	--	-----	----	--------------

8. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A (Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

8.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A (Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
11	RosuAPC 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm - nhôm; Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên, Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm - PVC	NSX	24	893110225524

9. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Am vi (Địa chỉ: Lô B14-3,4 Đường N13, KCN Đông Nam, Xã Hòa Phú, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

9.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Am vi (Amvipharm) (Địa chỉ: Lô B14-3,4 đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, Xã Hòa Phú, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

12	Avidinir 300	Cefdinir 300mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	USP 38	36	893110225624
----	--------------	----------------	-------------------	--------------------	--------	----	--------------

10. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: 314 Bông Sao, phường 5, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

10.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: Lô C16, Đường số 9, khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

13	A.T Calcipotriol 0,005%	Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrate) 0,005% (w/w)	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp 5g, 15g, 30g, 60g	NSX	36	893110225724
14	A.T Cilnidipine 10 mg	Cilnidipine 10mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110225824
15	A.T Cilnidipine 5 mg	Cilnidipine 5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110225924
16	Aharon 150 mg/3 ml	Amiodarone hydrochloride 150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 3ml	NSX	36	893110226024
17	Aticosta 6 mg	Deflazacort 6mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	36	893110226124
18	Ciproven 10 mg/ml	Ciprofloxacin 10mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ, 3 lọ, 5 lọ, 10 lọ, 20 lọ x 20ml; Hộp 1 lọ, 3 lọ, 5 lọ, 10 lọ, 20 lọ x 40ml	NSX	36	893115226224
19	Htshine Methyl 16	Methylprednisolone 16mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	36	893110226324

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
20	Magpotas 300/380	Paracetamol 300mg; Methocarbamol 380mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	36	893110226424

11. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

11.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

21	Paracetamol 650	Paracetamol 650mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 12 viên; Hộp 1 chai x 200 viên	NSX	30	893100226524
22	Paracetamol 650 mg	Paracetamol 650mg	Viên nén sủi bột	Hộp 5 vỉ x 4 viên, Hộp 10 vỉ x 4 viên	NSX	36	893100226624
23	Raberaz 20	Rabeprazol natri (dưới dạng rabeprazol natri hydrat) 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 02 vỉ x 14 viên	NSX	36	893110226724
24	Sitovia 50	Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphat) 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 14 viên, Hộp 02 vỉ x 14 viên; Hộp 01 chai x 14 viên, Hộp 01 chai x 28 viên	NSX	36	893110226824

12. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha (Địa chỉ: Lô đất CN- 2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam)

12.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha (Địa chỉ: Lô đất CN -2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

25	Arnacy sachet	N-Acetylcystein 200mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói, 30 gói, 50 gói x 2g	NSX	36	893100226924
26	Gavoret	Natri alginat 500mg; Natri bicarbonat 213mg; Calci carbonat 325mg	Hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 10ml; Hộp 20 gói x 10ml; Hộp 30 gói x 10ml; Hộp 1 chai x 150ml; Hộp 1 chai x 180ml	NSX	36	893100227024

13. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

13.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

27	Avocat drop	Cromolyn natri 4% (w/v)	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 0,4ml; Hộp 1 lọ x 5ml; Hộp 1 lọ x 10ml	NSX	24	893110227124
28	Cleson nasal spray	Ciclesonid 50µg (mcg)	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 chai x 120 liều; Hộp 1 chai x 60 liều, Liều xịt phân liều	NSX	24	893110227224

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
29	Depaki	Levetiracetam 500mg/5ml	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 túi x 1 ống x 5ml; Hộp 20 túi x 1 ống x 5ml; Hộp 50 túi x 1 ống x 5ml; Hộp 10 túi x 1 ống x 10ml; Hộp 20 túi x 1 ống x 10ml; Hộp 50 túi x 1 ống x 10ml	NSX	30	893110227324
30	Metovomit	Metoclopramid hydroclorid (Dưới dạng Metoclopramid hydroclorid monohydrat) 1mg/1ml	Dung dịch uống	Hộp 1 lọ x 30ml; Hộp 1 lọ x 60ml	NSX	24	893110227424

14. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

14.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (Địa chỉ: 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

31	Allopurinol	Allopurinol 300mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110227524
32	Etoricoxib 120	Etoricoxib 120mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110227624
33	Etoricoxib 60	Etoricoxib 60mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110227724
34	Etoricoxib 90	Etoricoxib 90mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110227824
35	Fluconazol 150	Fluconazol 150mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 1 viên	NSX	36	893110227924
36	Fluconazol 200	Fluconazol 200mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110228024

15. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm) (Địa chỉ: Lô M7A , Đường D17, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

15.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm) (Địa chỉ: Lô M7A , Đường D17, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

37	Chalkas-2	Eszopiclone 2mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	USP hiện hình	36	893110228124
38	Eimler-10	Empagliflozin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110228224
39	Tacropic 0,03%	Tacrolimus 0,03% dưới dạng Tacrolimus monohydrat 3,067mg	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 10g	NSX	36	893110228324

16. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Fremed (Địa chỉ: Lô E9-3A, đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

16.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Fremed (Địa chỉ: Lô E9-3A, đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
40	Carsted 2.5	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride 2,725mg) 2,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	30	893110228424
41	Carsted 5	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride 5,45mg) 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	30	893110228524

17. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Generic (Địa chỉ: Cụm 9, xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

17.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Địa chỉ: 118 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

42	Cycloserin 250mg	Cycloserin 250mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110228624
----	------------------	------------------	-------------------	--------------------	-----	----	--------------

18. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Số 10A Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

18.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

43	Ethypira	Piracetam 1200mg	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 30 gói x 2,5g	NSX	24	893110228724
44	Fahado 250	Paracetamol 250mg	Thuốc bột sủi	Hộp 1 túi x 12 gói x 1,5g; Hộp 1 túi x 18 gói x 1,5g; Hộp 1 túi x 24 gói x 1,5g	NSX	24	893100228824
45	Fahado S	Paracetamol 500mg	Viên sủi bọt	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 4 viên; Hộp 1 túi x 4 vỉ x 4 viên; Hộp 1 túi x 5 vỉ x 4 viên	NSX	24	893100228924
46	Mezahalo 5	Haloperidol 5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110229024
47	Prednisolon 5mg	Prednisolon 5mg	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 20 viên, Hộp 10 vỉ x 20 viên; Lọ x 500 viên	NSX	36	893110229124

19. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

19.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy Công nghệ cao Bình Dương (Địa chỉ: Số 21, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

48	Colistin 4,5 MIU	Colistimethat natri (trương đương colistin base 150mg) 4.500.000IU	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 5 lọ, Hộp 10 lọ	USP hiện hành	24	893114229224
----	------------------	---	--------------------------	----------------------------------	---------------------	----	--------------

20. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa (Địa chỉ: Số 74 đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam)

20.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa (Địa chỉ: Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
49	Methocarbamol 750mg	Methocarbamol 750mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 20 vỉ x 10 viên, Hộp 50 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, Chai 200 viên, Chai 500 viên, Chai 1000 viên	NSX	36	893110229324
50	Panactol kid	Paracetamol 325mg; Chlorpheniramine maleate 2mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 30 vỉ x 10 viên, Hộp 50 vỉ x 10 viên, Hộp 100 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, Chai 500 viên, Chai 1000 viên	NSX	36	893100229424

21. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Liviat (Địa chỉ: Tầng 46 Tòa nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

21.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Fremed (Địa chỉ: Lô E9-3A, đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

51	Fogicap 20 cap	Omeprazol 20mg, Natri bicarbonat 1100mg	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110229524
----	----------------	---	-------------------	---------------------	-----	----	--------------

22. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

22.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, Khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

52	Oxcarbazepin MDS 150mg	Oxcarbazepin 150mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893114229624
----	---------------------------	--------------------	----------------------	--	-----	----	--------------

23. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide (Địa chỉ: Phòng 09, lầu 10, tòa nhà The Everrich 1, số 968 đường Ba Hai, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.)

23.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận (Địa chỉ: 192 Nguyễn Hội, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam)

53	Gefbin forte 10	Ebastine 10mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110229724
----	-----------------	---------------	-------------------------------------	--------------------	-----	----	--------------

24. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân (Địa chỉ: Lô E2, đường N4, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP.Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam)

24.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân (Địa chỉ: Lô N8, Đường N5, Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Mỹ Xá, TP.Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

54	Midacip 400/325	Paracetamol 325mg; Methocarbamol 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110229824
----	-----------------	--	----------------------	---	-----	----	--------------

25. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

25.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
55	Riafen-M	Mỗi 5ml chứa: Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid 27,25mg) 25mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	NSX	24	893115229924

26. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm OPV (Địa chỉ: Số 27, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

26.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare (Địa chỉ: Khu A, số 18, đường số 09, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

56	Tydol EF	Paracetamol 500mg	Viên nén sủi bột	Hộp 4 vỉ x 4 viên, Hộp 10 vỉ x 4 viên; Hộp 1 tuýp x 10 viên	NSX	24	893100230024
----	----------	-------------------	---------------------	---	-----	----	--------------

27. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú (Địa chỉ: Lô 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

27.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm (Địa chỉ: Lô 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

57	Usarenapi 5	Enalapril maleate 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110230124
----	-------------	-----------------------	----------	---	-----	----	--------------

28. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình (Địa chỉ: Số 46, đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam)

28.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình (Địa chỉ: Số 46, đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam)

58	Telmisartan 40mg	Telmisartan 40mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110230224
----	------------------	------------------	----------	---	-----	----	--------------

29. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C) (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam)

29.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C) (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

59	Cardisav 10/160	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat) 10mg; Valsartan 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 41	36	893110230324
60	Metsav 750 XR	Metformin hydrochloride 750mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên	USP 41	36	893110230424

30. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm (Địa chỉ: Số 27, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam)

30.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm (Địa chỉ: Số 27, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam)

61	DI-Angesic Codein 12,8	Paracetamol 500mg; Codeine phosphate hemihydrate 12,8mg	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên	NSX	36	893101230524
----	---------------------------	---	----------------------	---	-----	----	--------------

31. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm TW 25 (Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

31.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm TW 25 (Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
62	Natri clorid 0,9%	Natri clorid (Sodium chloride) 4500mg/500ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	NSX	36	893100230624
63	Uphavix 75 mg	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110230724

32. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát (Địa chỉ: Lô CN1-6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

32.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát (Địa chỉ: Lô CN1-6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

64	Tepalapri	Enalapril maleat 10mg; Hydrochlorothiazid 25mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110230824
----	-----------	---	----------	---	-----	----	--------------

33. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: Số 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

33.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

65	Golatadin 60 MR	Gliclazid 60mg	Viên nén giải phóng biến đổi	Hộp 2 vỉ x 15 viên	NSX	36	893110230924
66	Mesanzid 20/12,5	Olmesartan medoxomil 20mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110231024
67	Mesanzid 40/12,5	Olmesartan medoxomil 40mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110231124

34. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ (Địa chỉ: Số 93 Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

34.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ (Địa chỉ: Lô M1, đường N3, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam)

68	Diasi-Met 50mg/1000mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate 64,25mg) 50mg; Metformin hydrochloride 1000mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110231224
69	Ravonol New	Paracetamol 500mg; Phenylephrin Hydrochlorid 5mg; Cafein 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 25 vỉ x 4 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110231324

35. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế (Địa chỉ: 31 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

35.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế (Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
70	Mebigran 25mg	Sumatriptan (dưới dạng sumatriptan succinat) 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP hiện hành	36	893110231424
71	Mebimol 120mg/5ml	Paracetamol 120mg	Dung dịch uống	Hộp 01 chai x 60ml, Hộp 01 chai x 100ml, Hộp 01 chai x 120ml	NSX	36	893100231524
72	Mebinir 125mg/5ml	Cefdinir 125mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 01 chai x 60ml, Hộp 01 chai x 100ml	NSX	36	893110231624
73	Paracetamol 650mg	Paracetamol 650mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	ĐDVN hiện hành	36	893100231724

36. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 777, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam)

36.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Thôn Mậu Thông, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam)

74	Biazix	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500mg	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất tiêm 5ml; Hộp 3 lọ + 3 ống nước cất tiêm 5ml; Hộp 5 lọ + 5 ống nước cất tiêm 5ml; Lọ thuốc tiêm đông khô; ống nước cất tiêm 5ml (SĐK: VD- 24904-16)	NSX	Lọ thuốc tiêm đông khô: 24 tháng; Ống nước cất tiêm 5ml: 48 tháng	893110231824
75	Careton forte 10	Ubidecarenon (Coenzym Q10) 50mg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893100231924
76	Daflovin 1000	Diosmin 900mg; Hesperidin 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100232024
77	Negakacin 1000	Amikacin (dưới dạng amikacin sulfat) 1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 4ml; Hộp 2 vỉ x 5 ống x 4ml	NSX	36	893110232124
78	Paravina 1 g	Paracetamol 1g/6,7ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 6,7ml; Hộp 10 vỉ x 5 ống x 6,7ml	NSX	24	893110232224
79	Salbutamol 2,5 mg/2,5 ml	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat) 2,5mg/2,5ml	Dung dịch khí dung	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2,5ml; Hộp 4 vỉ x 5 ống x 2,5ml; Hộp 6 vỉ x 5 ống x 2,5ml; Hộp 5 vỉ x 10 ống x 2,5ml	NSX	36	893115232324
80	Vincapar 275	Levodopa 250mg; Carbidopa khan (dưới dạng carbidopa) 25mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110232424

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
81	Vinbufen	Ibuprofen 100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ x 60ml, Hộp 1 lọ x 120ml, lọ PET; Hộp 12 gói x 5ml, Hộp 20 gói x 5ml, Hộp 30 gói x 5ml, Hộp 12 gói x 10ml, Hộp 20 gói x 10ml, Hộp 30 gói x 10ml	NSX	24	893100232524
82	Vin-Enema	Mỗi 118ml dung dịch chứa: Natri dihydrophosphat dihydrat 21,4 g (18,1% (w/v)); Dinatri phosphat dodecahydrat 9,4 g (8,% (w/v))	Dung dịch thụt trực tràng	Hộp 1 chai x 133ml	NSX	30	893100232624
83	Vinmagel	Almagat 1g/7,5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 7,5ml; Hộp 30 gói x 7,5ml	NSX	24	893100232724
84	Vinmagel plus	Almagat 1,5g/15ml	Hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 15ml; Hộp 24 gói x 15ml; Hộp 30 gói x 15ml	NSX	24	893110232824
85	Vintrosin Cold Flu	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Paracetamol 325mg; Dextromethorphan Hydrobromid 10mg; Guaifenesin 200mg; Phenylephrin hydroclorid 5mg	Dung dịch uống	Hộp 10, 20, 30 gói x 10ml; Hộp 10, 20, 30 gói x 20ml	NSX	24	893110232924
86	Vintrosin Cold Flu Kid	Mỗi 7,5ml dung dịch chứa: Paracetamol 162,5mg; Dextromethorphan Hydrobromid 5mg; Guaifenesin 100mg; Phenylephrin hydroclorid 2,5mg	Dung dịch uống	Hộp 10, 20, 30 gói x 7,5ml; Hộp 10, 20, 30 gói x 15ml; Hộp 1 lọ x 75ml	NSX	24	893110233024
87	Vintrosin New	Paracetamol 325mg; Dextromethorphan Hydrobromid 10mg; Guaifenesin 200mg; Phenylephrin hydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 01 lọ x 200 viên	NSX	24	893110233124

37. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar (Địa chỉ: Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam)

37.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar (Địa chỉ: Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
88	Cetirizin DWP 10mg	Cetirizin dihydroclorid 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100233224
89	Parametho DWP 300/380 mg	Paracetamol 300mg; Methocarbamol 380mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110233324

38. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Phúc Vinh (Địa chỉ: Lô CN 4-6.2 KCN Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội, Việt Nam)

38.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Phúc Vinh (Địa chỉ: Lô CN 4-6.2 KCN Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội, Việt Nam)

90	Buracefen	Paracetamol 500mg; Ibuprofen 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 3 vỉ x 15 viên; Hộp 5 vỉ x 15 viên; Hộp 10 vỉ x 15 viên. chai 100 viên; chai 200 viên	NSX	36	893100233424
91	Onvirol	Omeprazol 40mg; Natri hydrocarbonat 1680mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 3 g; Hộp 25 gói x 3 g; Hộp 30 gói x 3 g; Hộp 40 gói x 3 g	NSX	36	893110233524
92	Opapivi	Omeprazol 40mg; Natri hydrocarbonat 1100mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 30 viên; Chai 50 viên; Chai 60 viên; Chai 100 viên	NSX	36	893110233624
93	Portizal	Paracetamol 250mg; Ibuprofen 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 3 vỉ x 15 viên; Hộp 5 vỉ x 15 viên; Hộp 10 vỉ x 15 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	NSX	36	893100233724
94	Vinoaci	Omeprazol 20mg; Natri hydrocarbonat 1100mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 30 viên; Chai 50 viên; Chai 60 viên; Chai 100 viên	NSX	36	893110233824

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
95	Tarziprol	Paracetamol 500mg; Ibuprofen 150mg;	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ × 10 viên; Hộp 3 vỉ × 10 viên; Hộp 5 vỉ × 10 viên; Hộp 10 vỉ × 10 viên; Hộp 2 vỉ × 15 viên; Hộp 3 vỉ × 15 viên; Hộp 5 vỉ × 15 viên; Hộp 10 vỉ × 15 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	NSX	36	893100233924

39. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Vacopharm (Địa chỉ: Số 59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam)

39.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Vacopharm (Địa chỉ: Km 1954, Quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam)

96	Paracetamol- tramadol	Paracetamol 325mg; Tramadol hydrochloride 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	NSX	24	893111234024
97	Vacobufen 200	Ibuprofen 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 20 vỉ x 10 viên, Hộp 50 vỉ x 10 viên, Hộp 100 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 14 viên, Hộp 20 vỉ x 14 viên, Hộp 50 vỉ x 14 viên, Hộp 100 vỉ x 14 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên; Chai 500 viên; Chai 1000 viên	NSX	24	893100234124
98	Vacodolac 400	Etodolac 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 25 vỉ x 4 viên; Chai 100 viên	NSX	36	893110234224
99	Vacozanpin 10	Olanzapine 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 06 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 01 vỉ x 20 viên, Hộp 05 vỉ x 20 viên; Chai 30 viên; Chai 60 viên; Chai 100 viên	NSX	36	893110234324

40. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam (Địa chỉ: Khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam)

40.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam (Địa chỉ: Khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam)

100	Palonosetron Kabi 0,25 mg/5ml	Palonosetron (dưới dạng palonosetron HCl) 0,25mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	NSX	24	893110234424
-----	----------------------------------	--	-------------------	------------------	-----	----	--------------

41. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar (Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

41.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar (Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

101	Glucose 5%	Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat) 5%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml x 250ml, Chai 500ml x 250ml, Chai 500ml x 500ml	ĐDVN IV	36	893110234524
41.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Mekophar (Địa chỉ: Lô I-9-5 Đường D2, Khu công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)							
102	Aspirin MKP 81	Acetylsalicylic acid 81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 100 viên	ĐDVN V	24	893110234624

42. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định (Địa chỉ: Lô A3.04, Khu công nghiệp Nhơn Hội (khu A), xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam)

42.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định (Địa chỉ: Lô A3.04, Khu công nghiệp Nhơn Hội (khu A), xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam)

103	Glucose 20%	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 22g) 20g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai x 100ml, Thùng 30 chai x 250ml, Thùng 20 chai x 500ml	BP 2020	24	893110234724
104	Glucose 30%	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 33g) 30g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai x 100ml, Thùng 30 chai x 250ml, Thùng 20 chai x 500ml	BP 2020	24	893110234824
105	Glucose 5%	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 27,5g) 25g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 12 chai x 500ml	BP 2020	24	893110234924
106	Natri Clorid 0,45% và Glucose 5%	Natri clorid 0,45% (w/v); Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 5% (w/v)	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai x 500	BP 2020	24	893110235024
107	Natri Clorid 0,9% và Glucose 5%	Natri clorid 0,9% (w/v); Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 5% (w/v)	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai x 500ml, Thùng 12 chai x 1000ml	BP 2020	24	893110235124

43. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam (Địa chỉ: Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, Bắc Ninh, Việt Nam)

43.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam (Địa chỉ: Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, Bắc Ninh, Việt Nam)

108	Elogabalin 75mg	Pregabalin 75mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110235224
-----	-----------------	-----------------	----------------	---	-----	----	--------------

44. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Samedco (Địa chỉ: 666/10/1 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

44.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar (Địa chỉ: 930C4 đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
109	Ditoin	Pregabalin 75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110235324

45. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần tập đoàn Merap (Địa chỉ: Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam)

45.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần tập đoàn Merap (Địa chỉ: Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam)

110	Cefaclor 375 mg	Cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrate) 375mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 43	24	893110235424
-----	-----------------	---	--	--	--------	----	--------------

46. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược phẩm Tây Bắc (Địa chỉ: Nhà H3, Khu tập thể Ban Tài chính – Quản trị tỉnh ủy, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

46.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 (Địa chỉ: Lô 27, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

111	Tussio lergic	Mỗi 10ml chứa: Dextromethorphan Hydrobromid 15mg; Clorpheniramin maleat 2mg	Sirô	Lọ 100ml; Lọ 150ml	NSX	36	893110235524
-----	---------------	---	------	--------------------	-----	----	--------------

47. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Traphaco (Địa chỉ: Số 75 Phố Yên Ninh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam)

47.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên (Địa chỉ: Thôn Bình Lương - Xã Tân Quang - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam)

112	Traphacol	Paracetamol 150mg	Thuốc bột uống	Hộp 12 gói x 1,5 g; Hộp 20 gói x 1,5 g; Hộp 24 gói x 1,5 g; Hộp 30 gói x 1,5 g	NSX	36	893100235624
113	Traphacol	Paracetamol 250mg	Thuốc bột uống	Hộp 12 gói x 2,5 g Hộp 20 gói x 2,5 g; Hộp 24 gói x 2,5 g; Hộp 30 gói x 2,5 g	NSX	36	893100235724
114	Viên bao phim Traphacol	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 15 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 12 viên; Hộp 10 vỉ x 12 viên; Hộp 15 vỉ x 12 viên; Hộp 20 vỉ x 12 viên	NSX	36	893100235824
115	Viên nén Traphacol	Paracetamol 500mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 15 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 12 viên; Hộp 10 vỉ x 12 viên; Hộp 15 vỉ x 12 viên	NSX	36	893100235924

48. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Trust Farma Quốc tế (Địa chỉ: Số 36, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

48.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Trust Farma Quốc tế (Địa chỉ: Số 36, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

116	Adverlex 750 Cap	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat) 750mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Al/Al; Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 x 10 viên, vỉ Al/PVC	NSX	36	893110236024
117	Cefpovera 100mg/5 ml	Cefpodoxim (tương đương cefpodoxim proxetil 130mg) 100mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 50ml x 18g + 1 chung lường 15ml, Hộp 1 chai 75ml x 27g + 1 chung lường 15ml, Hộp 1 chai 100ml x 36g + 1 chung lường 15ml	NSX	24	893110236124
118	Rinedif 250mg/5 ml	Cefdinir 250mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 30ml x 9g + 1 chung lường 15ml, Hộp 1 chai 60ml x 18g + 1 chung lường 15ml, Hộp 1 chai 100ml x 30g + 1 chung lường 15ml	NSX	24	893110236224
119	Unsefera 1 G	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 1g, Hộp 10 lọ x 1g	USP 40	24	893110236324

49. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần US Pharma USA (Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

49.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA (Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

120	Colenol	Paracetamol 325mg; Phenylephrin HCl 5mg; Dextromethorphan HBr 10,00mg; Clorpheniramin maleat 2mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu –PVC/Alu –Alu; Chai 50 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên	NSX	36	893110236424
121	Rhumedol cold & flu	Paracetamol 300mg; Cafein 25mg; Phenylephrin hydroclorid 5mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu –PVC/Alu –Alu; Chai 50 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên	NSX	36	893100236524
122	Rivamax 10	Rivaroxaban 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu –PVC/Alu –Alu; Chai 50 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên	NSX	36	893110236624

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
123	Rivamax 2,5	Rivaroxaban 2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu -PVC/Alu -Alu; Chai 50 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên	NSX	36	893110236724
124	Rivamax 20	Rivaroxaban 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu -PVC/Alu -Alu; Chai 50 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên	NSX	36	893110236824

50. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Y Dược Thủ Đô (Địa chỉ: Số 9 TT 27 Khu Đô Thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

50.1. Cơ sở sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU – Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương (Địa chỉ: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, Phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam)

125	Maxigold tablet	Paracetamol 500mg; Ibuprofen 150mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100236924
-----	-----------------	---------------------------------------	----------------------	--	-----	----	--------------

51. Cơ sở đăng ký: Công ty CP dược vật tư y tế Hà Nam (Địa chỉ: Cụm CN Hoàng Đông, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam)

51.1. Cơ sở sản xuất: Công ty CP dược vật tư y tế Hà Nam (Địa chỉ: Cụm CN Hoàng Đông, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam)

126	Rehnekol extra	Paracetamol 500mg; Cafein 65mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 20 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 12 viên, Hộp 10 vỉ x 12 viên, Hộp 20 vỉ x 12 viên	NSX	36	893100237024
-----	----------------	-----------------------------------	----------------------	---	-----	----	--------------

52. Cơ sở đăng ký: Công ty Liên doanh Meyer-BPC (Địa chỉ: Số 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam)

52.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Liên doanh Meyer - BPC (Địa chỉ: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam)

127	Myeromax 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrate) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 03 viên, Hộp 10 vỉ x 03 viên	NSX	36	893110237124
-----	--------------	---	----------------------	---	-----	----	--------------

53. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH BRV Healthcare (Địa chỉ: Khu A, số 18, đường số 09, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

53.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare (Địa chỉ: Khu A, số 18, đường số 09, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

128	Bixofen 120	Fexofenadin hydroclorid 120mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên, (vỉ nhôm - nhôm hoặc vỉ - PVC); Hộp 1 chai x 50 viên	NSX	48	893100237224
-----	-------------	----------------------------------	----------------------	--	-----	----	--------------

54. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Công Nghệ Dược Minh An (Địa chỉ: 19D-TT5, khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

54.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 (Địa chỉ: Lô 27 khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

129	Mitomax	Omeprazol 20mg; Natri bicarbonat 1680mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 3g, Hộp 30 gói x 3g	NSX	36	893110237324
-----	---------	---	--------------------------	-------------------------------------	-----	----	--------------

55. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH DRP Inter (Địa chỉ: Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

55.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH DRP Inter (Địa chỉ: Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

130	Firvomef 10/100 mg	Carbidopa (dưới dạng carbidopa monohydrate 10,8mg) 10mg; Levodopa 100mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-Alu; Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, Hộp 2 túi x 3 vỉ x 10 viên, Hộp 2 túi x 5 vỉ x 10 viên, vỉ Alu- PVC	NSX	36	893110237424
-----	-----------------------	---	----------	--	-----	----	--------------

56. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma (Địa chỉ: Số 18 đường Lê Thị Sọc, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

56.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma (Địa chỉ: Số 18 đường Lê Thị Sọc, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

131	BV Ibugesic	Paracetamol 325mg; Ibuprofen 200mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 100 viên, Hộp 1 chai x 200 viên	NSX	36	893100237524
132	Tenotrust 25	Tenofovir alafenamid fumarat (tương đương 25mg Tenofovir alafenamid) 28,04mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 30 viên	NSX	36	893110237624

57. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Song Khanh (Địa chỉ: 20 Nguyễn Sỹ Sách, Phường 15, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam)

57.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA (Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

133	Diasita 50	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3, 6, 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - PVC/Alu - Alu; Chai 30 viên; Chai 60 viên; Chai 100 viên	NSX	36	893110237724
134	Jarpazin 10	Empagliflozin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu -PVC/Alu - Alu; Chai 50 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên	NSX	36	893110237824

58. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Hasan – Dermapharm (Địa chỉ: Đường số 2, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

58.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Hasan – Dermapharm (Địa chỉ: Đường số 2, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

135	Hasanlor 5	Amlodipin besylat 7mg (tương đương amlodipin 5mg)	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 42	36	893110237924
136	Vashasan MR	Trimetazidin dihydroclorid 35mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 03 vỉ x 30 viên, Hộp 06 vỉ x 30 viên	NSX	36	893110238024
137	Vipredni 16 mg	Methylprednisolon 16mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110238124

59. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm (Địa chỉ: Lô B, Đường số 2, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

59.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm (Địa chỉ: Lô B, Đường số 2, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

138	Galeptic 300	Gabapentin 300mg	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 42	48	893110238224
139	Hapizide 5	Glipizid 5mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110238324
140	Hasaderm	Betamethason dipropionat 0,064%; Acid salicylic 3%	Thuốc mỡ	Hộp 01 tuýp x 10g	NSX	36	893110238424
141	Irbevel 150	Irbesartan 150mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 14 viên, Hộp 05 vỉ x 14 viên, Hộp 10 vỉ x 14 viên	NSX	36	893110238524
142	Irbevel 300	Irbesartan 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 14 viên, Hộp 05 vỉ x 14 viên, Hộp 10 vỉ x 14 viên	NSX	36	893110238624
143	Irbevel 75	Irbesartan 75mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110238724
144	Lacisartan HCT 100/12.5	Losartan kali 100mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110238824
145	Miberic 100	Allopurinol 100mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110238924

60. Cơ sở đăng ký: Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 (Địa chỉ: Số 40 đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

60.1. Cơ sở sản xuất: Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 (Địa chỉ: Số 40 đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

146	Cilnistella 10	Cilnidipine 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110239024
147	Cilnistella 5	Cilnidipine 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110239124

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
148	Naproflam 250	Naproxen 250mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893100239224
149	Paracetamol 500 mg	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 12 vỉ x 10 viên; Hộp 24 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100239324
150	Paracetamol 500 mg Tablets	Paracetamol 500mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 200 viên; Chai 300 viên; Chai 500 viên	NSX	60	893100239424
151	Partamol 80 Supp.	Paracetamol 80mg	Viên đạn đặt trực tràng	Hộp 2 vỉ x 5 viên; Hộp 4 vỉ x 5 viên	NSX	24	893100239524
152	Partamol Forte	Paracetamol 500mg; Ibuprofen 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 12 viên; Hộp 5 vỉ x 12 viên; Hộp 10 vỉ x 4 viên	NSX	24	893100239624

61. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy (Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao I, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, KM29, Đại lộ Thăng Long, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

61.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy (Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao I, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, KM29, Đại lộ Thăng Long, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

153	Novelcin 500	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid) 500mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	USP hiện hành	24	893115239724
-----	--------------	---	-----------------------	---------------------	---------------------	----	--------------

62. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam (Địa chỉ: 3A Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam)

62.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

154	Fluconazole	Fluconazol 150mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 1 viên	NSX	36	893110239824
-----	-------------	------------------	-------------------	-------------------	-----	----	--------------

63. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Shine Pharma (Địa chỉ: 781/C2 đường Lê Hồng Phong (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

63.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược phẩm Quang Minh (Địa chỉ: Số 4A Lò Lu, phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

155	Oritpin	Sofosbuvir 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110239924
156	Vofogis	Prednisolon (dưới dạng Prednisolon natri metasulfobenzoat 7,86mg) 5mg	Viên nén sủi bột	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ bấm Al-Al; Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ xé Al-Al	NSX	36	893110240024

64. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera (Địa chỉ: Lô A17, Khu công nghiệp Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

64.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera (Địa chỉ: Lô A17, Khu công nghiệp Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
157	Cilnidipine 10	Cilnidipine 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	JP 18	36	893110240124
158	Forosec DR 20	Omeprazole (dưới dạng Omeprazole 8,5% EC pellet 235,3mg) 20mg	Viên nang tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240224
159	Olarexa 10	Olanzapine 10mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240324
160	Olarexa 15	Olanzapine 15mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240424
161	Olarexa 5	Olanzapine 5mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240524
162	Olarexa 7,5	Olanzapine 7,5mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240624
163	Prebarica	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240724
164	Solinacin	Solifenacin Succinate 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240824
165	Solinacin	Solifenacin Succinate 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110240924
166	Trifilip	Fenofibrate (dạng micronised) 200mg	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên	USP hiện hành	36	893110241024

65. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Solpharma (Địa chỉ: Số nhà 618 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

65.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Phúc Vinh (Địa chỉ: Lô CN4-6.2 KCN Thạch Thất – Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội, Việt Nam)

167	Solxaban 15	Rivaroxaban 15mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110241124
-----	-------------	------------------	-------------------------------------	---	-----	----	--------------

66. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Rita Phạm (Địa chỉ: 115/1/75 Nguyễn Hồng, Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

66.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina (Địa chỉ: 112 Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

168	Ritaxim-550	Rifaximin 550mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110241224
-----	-------------	-----------------	----------------------	---	-----	----	--------------

67. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Minh Tín (Địa chỉ: 925 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

67.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược & vật tư y tế Bình Thuận (Địa chỉ: 192 Nguyễn Hội, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam)

169	Miticilux	L- Citrulline DL- Malate 1000mg/10ml	Dung dịch uống	Hộp 10 gói x 10ml, Hộp 20 gói x 10ml, Hộp 30 gói x 10ml; Hộp 1 chai 60ml, Hộp 1 chai 100ml, chai PET; Hộp 1 chai 60ml, Hộp 1 chai 100ml, chai thủy tinh	NSX	30	893100241324
-----	-----------	---	-------------------	---	-----	----	--------------

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
170	Mitidipil 4mg	Lacidipin 4mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - PVC; Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - Alu	NSX	36	893110241424
171	MT-Tizanidin 2	Tizanidin (dưới dạng Tizanidin hydroclorid 2,29mg) 2mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - PVC; Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - Alu	NSX	36	893110241524
172	MT-Tizanidin 4	Tizanidin (dưới dạng Tizanidin hydroclorid 4,58mg) 4mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - PVC; Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - Alu	NSX	36	893110241624
173	Wedoll eff 650	Paracetamol 650mg	Viên nén sủi bột	Hộp 3 vỉ x 4 viên, Hộp 6 vỉ x 4 viên, Hộp 10 vỉ x 4 viên, Hộp 20 vỉ x 4 viên	NSX	36	893100241724

68. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Phúc Anh (Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Sabay Tower, 11A Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

68.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược & vật tư y tế Bình Thuận (Địa chỉ: 192 Nguyễn Hội, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam)

174	Mitivax 900/100	Diosmin (tương đương với 1000mg Diosmin trên chế phẩm nguyên trạng) 900mg; Hesperidin 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - PVC; Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu - Alu	NSX	36	893110241824
-----	-----------------	--	----------------------	---	-----	----	--------------

69. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Viatris Việt Nam (Địa chỉ: Tòa nhà Friendship Tower, 31 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

69.1. Cơ sở chuyển giao công nghệ: Pfizer (Thailand) Ltd. (Địa chỉ: No. 323 United Center Building, Floors 36th and 37th, Silom Road, Silom Sub-District, Bang Rak District, Bangkok Metropolis, Thailand)

69.2. Cơ sở sản xuất (Cơ sở nhận chuyển giao công nghệ): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông) (Địa chỉ: Số 40, VSIP II đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
175	Lipitor	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin Hemi calcium 1,5H ₂ O, tên khác Atorvastatin calcium, Atorvastatin calcium trihydrate) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893710241924
176	Lipitor	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin Hemi calcium 1,5H ₂ O, tên khác Atorvastatin calcium hoặc Atorvastatin calcium trihydrate) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893710242024

70. Cơ sở đăng ký: Chi nhánh công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

70.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

177	Trivacintana II	Paracetamol 500mg; Phenylephrin HCl 10mg; Clorpheniramin maleat 4mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 100 viên	NSX	36	893100242124
-----	-----------------	---	----------------------	-------------------------------------	-----	----	--------------

Ghi chú:

Cách ghi tiêu chuẩn chất lượng thuốc tại cột (6):

- Nhà sản xuất (NSX), Tiêu chuẩn nhà sản xuất (TCNSX), Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), In-house có ý nghĩa tương đương nhau, là tiêu chuẩn chất lượng thuốc do cơ sở sản xuất xây dựng và đều có thể được ghi trên nhãn thuốc.

- Cách viết tắt các tiêu chuẩn chất lượng dược điển: Dược điển Việt Nam (ĐĐVN), Dược điển Anh (BP), Dược điển Mỹ (USP), Dược điển Nhật Bản (JP), Dược điển Trung Quốc (CP), Dược điển Châu Âu (EP), Dược điển Quốc tế (IP)...

Phụ lục II
DANH MỤC 02 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 194

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-QLD ngày tháng năm 2024
của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH DRP Inter (Địa chỉ: Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH DRP Inter (Địa chỉ: Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

1	Mactapro 10/5 mg	Empagliflozin 10mg; Linagliptin 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-Alu; Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu- PVdC/PVC	NSX	36	893110242224
2	Mactapro 25/5 mg	Empagliflozin 25mg; Linagliptin 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-Alu; Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Alu- PVdC/PVC	NSX	36	893110242324

Ghi chú:
Cách ghi tiêu chuẩn chất lượng thuốc tại cột (6):
- Nhà sản xuất (NSX), Tiêu chuẩn nhà sản xuất (TCNSX), Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), In-house có ý nghĩa tương đương nhau, là tiêu chuẩn chất lượng thuốc do cơ sở sản xuất xây dựng và đều có thể được ghi trên nhãn thuốc.
- Cách viết tắt các tiêu chuẩn chất lượng được điển: Dược điển Việt Nam (ĐDVN), Dược điển Anh (BP), Dược điển Mỹ (USP), Dược điển Nhật Bản (JP), Dược điển Trung Quốc (CP), Dược điển Châu âu (EP), Dược điển Quốc tế (IP)...